TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 3 - 2020
V/v ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2020/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Mỹ X, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp TL A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Thái Thanh H, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp TL A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Đặng Mỹ X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh H chung sống với nhau năm 2001, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cự cải, anh H đánh chị và đập phá nhà cửa. Gia đình có hòa giải nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Thái Hải Đ, sinh ngày 24/02/2003, Thái Ngọc K, sinh ngày 19/01/2005 và Thái Hải Đ1, sinh ngày 10/8/2007. Hiện cháu Đ và cháu K đang sống với anh H, còn cháu Đ1 đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Đ1, chị đồng ý giao cháu Đ, cháu K cho anh H nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác, cũng như không có người khác nợ lại vợ chồng.

Đối với anh Thái Thanh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến đối với nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị X.

Tại phiên tòa: Chị Xuyên giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Mỹ X khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Thái Thanh H là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh H có ý kiến không tham gia và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2001, chị X và anh H chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh H không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Đ đã hơn 17 tuổi, cháu K đã hơn 15 tuổi và cháu Đ1 đã hơn 12 tuổi. Hiện cháu Đ, cháu K đang sống ổn định với anh H, còn cháu Đ1 đang sống ổn định với chị X. Khi ly hôn, chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đ1, chị đồng ý giao cháu Đ và cháu K cho anh H nuôi, cấp dưỡng không đặt ra. Tuy nhiên, anh H không có ý kiến đối vơi yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng của chị X. Xét thấy: Theo biên bản ghi nguyện vọng của cháu Đ1 ngày 03/3/2020 và cháu Đ, cháu K ngày 04/3/2020 thể hiện: Cháu Đ1 có nguyện vọng sống với mẹ, còn cháu Đ, cháu K có nguyện vọng sống với cha nếu cha mẹ các cháu ly hôn. Mặt khác, tại phiên tòa chị X xác định hiện chị, cũng như anh H đảm bảo điều kiện nuôi con. Do đó, để tránh sự thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, tâm sinh lý và điều kiện học của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị X về con chung.

[5] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh H thì không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Mỹ X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đặng Mỹ X với anh Thái Thanh H là vợ chồng.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Thái Hải Đ1, sinh ngày 10/8/2007 cho chị Đặng Mỹ X được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Giao cháu Thái Hải Đ, sinh ngày 24/02/2003 và cháu Thái Ngọc K, sinh ngày 19/01/2005 cho anh Thái Thanh H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3. Chị Đặng Mỹ X, anh Thái Thanh H không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Đặng Mỹ X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010336 ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Đặng Mỹ X đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh